

Số: 04 /2026/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 26 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình
trên địa bàn tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về công tác
gia đình;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều của Luật phòng, chống bạo lực gia đình;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định mức chi cho hoạt động
phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Sơn La.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2026.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ VHTTDL;
- Chủ tịch và các Phó CT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Như Điều 2;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VPUB: LĐ, KTTH, TC-HC-QT;
- Lưu: VT, KGVX, Bắc.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Việt



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Mức chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04 /2026/QĐ-UBND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức chi thực hiện cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập được giao nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình.
2. Người bị bạo lực gia đình.
3. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 3. Chi hoạt động thông tin, truyền thông, giáo dục

1. Chi thông tin, truyền thông, giáo dục thông qua hình thức hội nghị, hội thảo, tập huấn, nói chuyện chuyên đề: Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Chi thông tin, truyền thông, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng: Nội dung và mức chi nhuận bút xây dựng bản tin, phóng sự, tọa đàm về phòng, chống bạo lực gia đình thực hiện theo quy định Điều 7, Điều 10, Nghị định số 18/2014/NĐ-CP quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

3. Chi thông tin, truyền thông, giáo dục thông qua loa truyền thanh: Nội dung và mức chi nhuận bút xây dựng bản tin, phóng sự, tọa đàm về phòng, chống bạo lực gia đình thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

4. Chi sản xuất và phát hành băng rôn, panô, áp-phích, tranh cổ động: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, quy định của pháp luật về đấu thầu và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

5. Chi tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ, tiểu phẩm tại cộng đồng:

a) Bồi dưỡng luyện tập chương trình mới: 60.000 đồng/người/buổi; số buổi luyện tập tối đa cho một chương trình là 10 buổi;

b) Bồi dưỡng trong chương trình biểu diễn: 160.000 đồng/người;

c) Bồi dưỡng người dẫn chương trình: 300.000 đồng/buổi;

d) Chi xăng xe hoặc thuê phương tiện, chụp ảnh tư liệu, thiết bị, dụng cụ và các khoản thuê khác: Mức chi theo thực tế căn cứ vào hợp đồng, hóa đơn, chứng từ, giá thị trường tại địa phương và quy định của pháp luật.

6. Chi tổ chức chiến dịch truyền thông tại cộng đồng

a) Chi xây dựng kịch bản: 500.000 đồng/kịch bản;

b) Bồi dưỡng người dẫn chương trình: 300.000 đồng/người/buổi;

c) Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp tham gia chiến dịch truyền thông tại cộng đồng: 50.000 đồng/người/buổi;

d) Biểu diễn văn nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này;

đ) Chi xăng xe hoặc thuê phương tiện, chụp ảnh tư liệu, thiết bị, dụng cụ và các khoản thuê khác: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, giá thị trường tại địa phương và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

7. Chi biên soạn tài liệu mẫu để tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 76/2018/TT-BTC hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

Điều 4. Chi tổ chức thi tìm hiểu về phòng, chống bạo lực gia đình

1. Biên soạn đề thi và đáp án: 1.000.000 đồng/đề thi kèm đáp án.

2. Bồi dưỡng chấm thi, Ban Giám khảo cuộc thi, xét công bố kết quả thi: 250.000 đồng/người/buổi.

3. Bồi dưỡng thành viên Ban tổ chức, thư ký cuộc thi: 200.000 đồng/người/buổi.

4. Chi giải thưởng:

Mỗi cuộc thi có tối đa 01 giải nhất, 02 giải nhì, 03 giải ba, 03 giải khuyến khích, mức chi các giải thưởng như sau:

a) *Chi giải nhất:*

- Giải tập thể: cấp tỉnh tổ chức 10.000.000 đồng/giải thưởng; cấp xã tổ chức 5.000.000 đồng/giải thưởng;

- Giải cá nhân: cấp tỉnh tổ chức 5.000.000 đồng/giải thưởng, cấp xã tổ chức: 2.500.000 đồng/giải thưởng.

b) *Chi giải nhì:*

- Giải tập thể: cấp tỉnh tổ chức 5.000.000 đồng/giải thưởng; cấp xã tổ chức 2.500.000 đồng/giải thưởng;

- Giải cá nhân: cấp tỉnh tổ chức 3.000.000 đồng/giải thưởng; cấp xã tổ chức 1.250.000 đồng/giải thưởng.

c) Chi giải ba:

- Giải tập thể: cấp tỉnh tổ chức 3.000.000 đồng/giải thưởng; cấp xã tổ chức 1.250.000 đồng/giải thưởng;

- Giải cá nhân: cấp tỉnh tổ chức 2.000.000 đồng/giải thưởng, cấp xã tổ chức 700.000 đồng/giải thưởng.

d) Chi giải khuyến khích:

- Giải tập thể: cấp tỉnh tổ chức 2.000.000 đồng/giải thưởng; cấp xã tổ chức 750.000 đồng/giải thưởng;

- Giải cá nhân: cấp tỉnh tổ chức 1.000.000 đồng/giải thưởng, cấp xã tổ chức 350.000 đồng/giải thưởng.

5. Chi hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại cho thành viên ban tổ chức, thành viên hội đồng thi trong những ngày tổ chức cuộc thi:

- Đối với thành viên ban tổ chức, thành viên hội đồng thi là cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND.

- Đối với thành viên Ban tổ chức, thành viên hội đồng thi là đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND.

6. Chi hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại cho thí sinh tham gia cuộc thi (*kể cả ngày tập luyện và thi, tối đa không quá 10 ngày*), áp dụng mức chi hỗ trợ tiền ăn nghỉ đối với đại biểu không hưởng lương: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND. Những người đã được hưởng khoản hỗ trợ nêu trên thì không được thanh toán công tác phí ở cơ quan, đơn vị.

7. Chi thuê dẫn chương trình: 1.000.000 đồng/người/buổi.

8. Chi thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

9. Thuê diễn viên biểu diễn văn nghệ:

a) Cá nhân 300.000 đồng/người/tiết mục;

b) Tập thể 3.000.000 đồng/tập thể/tiết mục và 300.000 đồng/người/tiết mục tập thể.

10. Chi tổng hợp báo cáo kết quả cuộc thi:

a) Đối với cuộc thi cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/báo cáo;

b) Đối với cuộc thi cấp xã: 1.000.000 đồng/báo cáo;

11. Chi hợp báo thông cáo báo chí về cuộc thi:

a) Chi xây dựng thông cáo báo chí: 1.000.000 đồng/thông báo.

b) Chi thù lao cho phóng viên báo chí được mời tham dự hợp báo: 100.000 đồng/người/buổi hợp báo.

c) Chi cho người chủ trì hợp báo: 300.000 đồng/buổi hợp báo.

d) Chi cho người tham gia trả lời câu hỏi của phóng viên, báo chí tại buổi hợp báo: 200.000 đồng/người/buổi hợp báo.

Điều 5. Mức chi xây dựng, triển khai mô hình phòng, chống bạo lực gia đình

1. Chi nghiên cứu xây dựng mô hình phòng, chống bạo lực gia đình: Nội dung và mức chi các hoạt động nghiên cứu, điều tra, khảo sát, đánh giá thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND quy định mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Sơn La; Thông tư số 109/2016/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 37/2022/TT-BTC.

2. Chi soạn thảo mô hình: 10.000.000 đồng/mô hình

3. Chi cho người tham gia triển khai thực hiện mô hình: Mức chi theo thực tế số ngày tham gia: 100.000 đồng/người/ngày hoặc khoán chi 1.000.000 đồng/người/tháng.

4. Các khoản chi khác thực hiện theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

Điều 6. Chi hoạt động tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình

1. Chi hỗ trợ thiết lập phòng, bộ phận tư vấn (*điện thoại, máy tính, thiết bị, vật tư*): Thực hiện theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

Mức chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp nhưng không vượt mức tối đa quy định tại Mục VIII, phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

2. Chi biên soạn tài liệu mới; chỉnh sửa, bổ sung cập nhật tài liệu phù hợp với nội dung tư vấn: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 76/2018/TT-BTC.

3. Chi thù lao cho nhân viên tư vấn theo chế độ hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc: Mức chi theo thỏa thuận dựa trên năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc và quy định của pháp luật về chế độ tiền lương, tiền công đối với hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc.

4. Chi các khoản điện, nước, văn phòng phẩm, phô tô tài liệu phục vụ hoạt động tư vấn: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ, giá thị trường tại địa phương nhưng tối đa không quá 2.500.000 đồng/tháng/cơ sở.

Điều 7. Chi giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình

1. Chi biên soạn tài liệu giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 76/2018/TT-BTC.

2. Chi biên soạn bộ câu hỏi trắc nghiệm để nhận diện hành vi bạo lực gia đình và đánh giá về kiến thức, kỹ năng kiểm soát hành vi bạo lực gia đình; kỹ năng ứng phó với hành vi bạo lực gia đình (soạn thảo câu hỏi thô; rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa được quản lý trên phần mềm máy tính): Tiền công soạn thảo câu hỏi thô: 70.000 đồng/câu; rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa: 10.000 đồng/câu.

3. Chi phổ biến pháp luật trực tiếp cho người có hành vi bạo lực gia đình: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 11 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 132/2025/NQ-HĐND.

Điều 8. Chi hỗ trợ cho người bị bạo lực gia đình

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn tâm lý, cung cấp kỹ năng ứng phó với bạo lực gia đình cho người bị bạo lực gia đình, người có hành vi bạo lực gia đình: 220.000 đồng/người/lần tư vấn.

2. Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu khi thực hiện cấm tiếp xúc, việc hỗ trợ áp dụng như quy định đối với đối tượng bảo trợ xã hội: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 7 Nghị định số 147/2025/NĐ-CP.

3. Trường hợp người bị bạo lực gia đình bị tổn hại sức khỏe được chăm sóc, điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, việc thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BYT quy định quy trình tiếp nhận, chăm sóc y tế và thống kê, báo cáo đối với người bệnh là nạn nhân bạo lực gia đình tại cơ sở khám chữa bệnh.

Điều 9. Chi hỗ trợ bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản cho cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình

1. Chi hỗ trợ bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng cho cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình

a) Cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình thuộc đối tượng đang tham gia bảo hiểm xã hội được Quỹ bảo hiểm y tế chi trả theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế; Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả chế độ trợ cấp tai nạn lao động, hưu trí, tử tuất theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, vệ sinh, an toàn lao động;

b) Cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình được đơn vị sử dụng lao động chi trả các chế độ theo quy định của pháp luật về vệ sinh, an toàn lao động.

c) Trường hợp cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình thuộc đối tượng khác được hỗ trợ theo chính sách trợ giúp xã hội khẩn cấp hoặc được hỗ

trợ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng theo quy định của pháp luật về trợ giúp xã hội: Áp dụng thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung bởi Điều 7 Nghị định 147/2025/NĐ-CP.

2. Chi hỗ trợ bù đắp thiệt hại về tài sản cho cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình

Cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình khi trực tiếp ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình mà bị thiệt hại về tài sản nhưng người gây thiệt hại không có khả năng bồi thường thiệt hại thì được Nhà nước hỗ trợ bù đắp đối với tài sản bị thiệt hại. Mức hỗ trợ bù đắp đối với tài sản bị thiệt hại do Hội đồng xác định mức độ hỗ trợ thiệt hại cho cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình xác định theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 39 Nghị định số 76/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 9 Nghị định số 137/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

Điều 10. Chi phát triển mạng lưới cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng

1. Cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng được hưởng chế độ bồi dưỡng hàng tháng quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND quy định số lượng, mức chi bồi dưỡng đối với cộng tác viên dân số thôn, xóm, bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Hằng năm, cơ quan chuyên môn về văn hóa, thể thao và du lịch tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình về công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình. Mức chi áp dụng theo quy định khoản 8 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 123/2025/NQ-HĐND quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình được tham dự các cuộc thi, hội nghị, hội thảo trong khu vực, liên khu vực để trao đổi kinh nghiệm công tác, được hưởng các chính sách theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình và pháp luật có liên quan.

4. Mỗi cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình được trang bị dụng cụ, công cụ phù hợp với điều kiện và khả năng tài chính của địa phương để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống bạo lực gia đình: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BYT quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số.

Điều 11. Chi hoạt động phối hợp liên ngành, sơ kết, tổng kết

1. Chi tổ chức cuộc họp, hội nghị triển khai nhiệm vụ, sơ kết, tổng kết, tập huấn nghiệp vụ về phòng, chống bạo lực gia đình:

a) Chi bồi dưỡng cho đại biểu: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Chi xây dựng báo cáo chuyên đề: Cấp tỉnh 4.000.000 đồng/báo cáo. Cấp xã 2.000.000 đồng/báo cáo.

c) Chi xây dựng báo cáo sơ kết: Cấp tỉnh 5.000.000 đồng/báo cáo. Cấp xã 2.500.000 đồng/báo cáo.

d) Chi xây dựng báo cáo tổng kết: Cấp tỉnh 6.000.000 đồng/báo cáo. Cấp xã 3.000.000 đồng/báo cáo.

đ) Chi bồi dưỡng viết bài tham luận, bài kỷ yếu hội nghị sơ kết, tổng kết: Cấp tỉnh 1.000.000 đồng/bài tham luận, cấp xã 500.000 đồng/bài tham luận.

e) Chi văn phòng phẩm, in ấn tài liệu và các khoản chi khác có liên quan: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

2. Chi công tác kiểm tra, giám sát theo chương trình, kế hoạch công tác; tổ chức các hoạt động giao lưu, trao đổi kinh nghiệm về phòng, chống bạo lực gia đình trong khu vực, liên khu vực: Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Đối với các khoản chi có liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình không được quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo nội dung chi, mức chi quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.
